

**QUYẾT ĐỊNH**

**Chuyển đổi tên ngành đào tạo trình độ cao đẳng, đại học  
theo Thông tư số 14/2010/TT-BGDĐT**

*Luân.*  
*- a. B*  
*- p. g. Đào*  
*- S. Chai*  
*Stall*

Căn cứ Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 14/2010/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ cao đẳng, đại học;

Xét đề nghị của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa-Vũng Tàu và Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Chuyển đổi các ngành đã được giao đào tạo ở trình độ cao đẳng của Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa-Vũng Tàu sang các ngành theo Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ cao đẳng, đại học ban hành kèm theo Thông tư số 14/2010/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Danh sách các ngành đào tạo của Trường kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Căn cứ danh sách các ngành đào tạo kèm theo Quyết định này, Nhà trường tổ chức rà soát, hoàn thiện lại chương trình đào tạo của Trường phù hợp với tên ngành đào tạo mới.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các quyết định giao ngành đào tạo trước đây.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa-Vũng Tàu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4 (để thực hiện);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, Vụ GDDH.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



*Bùi Văn Ga*  
**Bùi Văn Ga**

# **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

## **DANH SÁCH NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG của Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa-Vũng Tàu**

(Kèm theo Quyết định số *5935* /QĐ-BGDĐT ngày *22* tháng *12* năm 2010  
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

| TT | Trình<br>độ ĐT | Ngành đào tạo hiện tại của trường                                                                                                 |                                                    | Đề xuất ngành đào tạo<br>theo<br>danh mục mới |                                    |
|----|----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-----------------------------------------------|------------------------------------|
|    |                | Tên ngành                                                                                                                         | Số, ngày QĐ<br>mở ngành                            | Mã số                                         | Tên ngành                          |
| 1  | CĐ             | Sư phạm Kỹ thuật nông<br>nghiệp (ghép với các<br>ngành Sư phạm KTCN và<br>Sư phạm Kinh tế gia đình,<br>đào tạo thời gian 3,5 năm) | Số 451/QĐ-<br>BGD&ĐT-<br>ĐH&SDH ngày<br>28/01/2005 | 51140215                                      | Sư phạm Kỹ<br>thuật nông<br>nghiệp |
| 2  | CĐ             | Sư phạm Giáo dục công<br>dân - Địa                                                                                                | Số 5584/QĐ-<br>BGD&ĐT-ĐH<br>ngày 18/12/2000        | 51140204                                      | Giáo dục<br>Công dân               |
| 3  | CĐ             | Sư phạm Hóa - Sinh                                                                                                                | Số 186/QĐ-<br>BGD&ĐT-ĐH<br>ngày 17/1/2003          | 51140212                                      | Sư phạm Hoá<br>học                 |
| 4  | CĐ             | Sư phạm Lý - Tin                                                                                                                  | Số 186/QĐ-<br>BGD&ĐT-ĐH<br>ngày 17/1/2003          | 51140211                                      | Sư phạm Vật<br>lý                  |
| 5  | CĐ             | Sư phạm Sinh - Hóa                                                                                                                | Số 1613/QĐ-<br>BGD&ĐT-ĐH<br>ngày 11/4/2002         | 51140213                                      | Sư phạm<br>Sinh học                |
| 6  | CĐ             | Sư phạm Sinh - KTNN                                                                                                               | Số 181/QĐ-<br>BGD&ĐT-<br>ĐH&SDH ngày<br>13/01/2004 |                                               |                                    |
| 7  | CĐ             | Sư phạm Sử - Địa                                                                                                                  | Số 331/QĐ-<br>BGD&ĐT-ĐH<br>ngày 17/01/2002         | 51140218                                      | Sư phạm<br>Lịch sử                 |
| 8  | CĐ             | Sư phạm Sử-Giáo dục<br>Công dân                                                                                                   | Số 186/QĐ-<br>BGD&ĐT-ĐH<br>ngày 17/1/2003          |                                               |                                    |
| 9  | CĐ             | Sư phạm Sử - Địa                                                                                                                  | Số 331/QĐ-<br>BGD&ĐT-ĐH<br>ngày 17/01/2002         |                                               |                                    |
| 10 | CĐ             | Giáo dục Mầm non                                                                                                                  | Số 181/QĐ-<br>BGD&ĐT-<br>ĐH&SDH ngày<br>13/01/2004 | 51140201                                      | Giáo dục<br>Mầm non                |
| 11 | CĐ             | Sư phạm Tiểu học                                                                                                                  | Số 3206/ QĐ-<br>BGD&ĐT-ĐH<br>ngày 4/6/2001         | 51140202                                      | Giáo dục<br>Tiểu học               |

|    |    |                                                                |                                         |          |                                  |
|----|----|----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------|----------------------------------|
| 12 | CĐ | Sư phạm Ngữ văn                                                | Số 186/QĐ-BGD&ĐT-ĐH ngày 17/1/2003      | 51140217 | Sư phạm Ngữ văn                  |
| 13 | CĐ | Sư phạm Văn - Sử                                               | Số 5584/QĐ-BGD&ĐT-ĐH ngày 18/12/2000    |          |                                  |
| 14 | CĐ | Sư phạm Ngữ văn (ghép với ngành Công tác Đội TNTP Hồ Chí Minh) | Số 451/QĐ-BGD&ĐT-ĐH&SĐH ngày 28/01/2005 |          |                                  |
| 15 | CĐ | Sư phạm Tin học                                                | Số 451/QĐ-BGD&ĐT-ĐH-SĐH ngày 28/01/2005 | 51140210 | Sư phạm Tin học                  |
| 16 | CĐ | Sư phạm Tin học - Vật lý                                       | Số 331/QĐ-BGD&ĐT-ĐH ngày 17/01/2002     |          |                                  |
| 17 | CĐ | Sư phạm Tin - KTCN                                             | Số 181/QĐ-BGD&ĐT-ĐH&SĐH ngày 13/01/2004 |          |                                  |
| 18 | CĐ | Sư phạm Toán học                                               | Số 186/QĐ-BGD&ĐT-ĐH ngày 17/1/2003      | 51140209 | Sư phạm Toán học                 |
| 19 | CĐ | Sư phạm Toán - Tin                                             | Số 5584/QĐ-BGD&ĐT-ĐH ngày 18/12/2000    | 51140209 |                                  |
| 20 | CĐ | Công nghệ kỹ thuật điện                                        | Số 3408/QĐ-BGDĐT ngày 11/5/2009         | 51510301 | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử |
| 21 | CĐ | Thư viện - Thông tin                                           | Số 7292/QĐ-BGDĐT ngày 8/12/2006         | 51320202 | Khoa học thư viện                |
| 22 | CĐ | Tin học                                                        | Số 1613/QĐ-BGD&ĐT-ĐH ngày 11/4/2002     | 51480201 | Công nghệ thông tin              |
| 23 | CĐ | Kế toán                                                        | Số 5936/QĐ-BGDĐT ngày 19/09/2007        | 51340301 | Kế toán                          |
| 24 | CĐ | Quản trị kinh doanh                                            | Số 551/QĐ-BGDĐT ngày 29/01/2007         | 51340101 | Quản trị kinh doanh              |
| 25 | CĐ | Quản trị văn phòng                                             | Số 551/QĐ-BGDĐT ngày 29/01/2007         | 51340406 | Quản trị văn phòng               |
| 26 | CĐ | Tài chính – Ngân hàng                                          | Số 3408/QĐ-BGDĐT ngày 11/5/2009         | 51340201 | Tài chính – Ngân hàng            |
| 27 | CĐ | Thư ký văn phòng                                               | Số 5936/QĐ-BGDĐT ngày 19/09/2007        | 51340407 | Thư ký văn phòng                 |

|    |    |                                                                |                                            |          |                                  |
|----|----|----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|----------|----------------------------------|
| 28 | CĐ | Tiếng Anh                                                      | Số 331/QĐ-<br>BGD&ĐT-ĐH<br>ngày 17/01/2002 | 51220201 | Tiếng Anh                        |
| 29 | CĐ | Tiếng Anh (Chương<br>trình Tiếng Anh<br>thương mại và du lịch) | Số 5936/QĐ-<br>BGDĐT ngày<br>19/09/2007    |          |                                  |
| 30 | CĐ | Việt Nam học                                                   | Số 7292/QĐ-<br>BGDĐT ngày<br>8/12/2006     | 51220113 | Việt Nam học                     |
| 31 | CĐ | Kiểm soát và bảo vệ<br>môi trường                              | Số 3408/QĐ-<br>BGDĐT ngày<br>11/5/2009     | 51510406 | Công nghệ kỹ<br>thuật môi trường |
| 32 | CĐ | Công nghệ thiết bị<br>trường học                               | Số 5936/QĐ-<br>BGDĐT ngày<br>19/9/2007     |          | Công nghệ thiết<br>bị trường học |

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

